

# **Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	01 - 02
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	03
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
4. Bảng cân đối kế toán	06 - 07
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 24

\*\*\*\*\*

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301897104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 09 năm 2010, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ 1	Ngày 05 tháng 10 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ 2	Ngày 17 tháng 10 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ 3	Ngày 20 tháng 6 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ 4 (thay đổi phê duyệt tăng vốn)	Ngày 19 tháng 01 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ 5	Ngày 04 tháng 5 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ 6	Ngày 04 tháng 8 năm 2017

Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng; Chuẩn bị mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tạo huyện Bình Chánh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng, công cộng và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang, mai táng.
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Chi tiết: Quản lý khu di tích lịch sử.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý công viên - cây xanh.
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa hàng không).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ giữ xe
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Doanh nghiệp phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

**TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ : số 110A5/4 Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (028) 3760 3194  
Fax : (028) 3760 3238  
Mã số thuế : 0 3 0 1 8 9 7 1 0 4

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Hạnh.

**BAN KIỂM SOÁT**

Kiểm soát viên Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Lê Thị Mai Thanh.

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Minh Sơn	Giám đốc
Bà Trịnh Thị Mỹ Nga	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tấn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Giám đốc
Bà Kiều Liên Nhanh	Kế toán trưởng

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lý Minh Sơn.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, *Phó*



Lý Minh Sơn

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2018



www.kiemtoan.net.vn

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**

Trụ Sở Chính : 156/12 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 10, TP. HCM.  
Văn Phòng Giao Dịch : 64/4 Đường DHT 21, Phường Đông Hưng Thuận, Q. 12, TP. HCM.  
Chi Nhánh Nha Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vinh Điểm Trung, P. Vinh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.  
Chi Nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.  
Chi Nhánh Miền Trung : 01 Trần Phú, P. Tân Thành, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.

**FAC AUDITING CO., LTD**

Tel : (028) 3 948 3100 Fax : (028) 3 948 3102  
Tel : (0-258) 3 895 777 Fax : (0-258) 3 893 377  
Tel : (0-254) 2 210 287 Fax : (0-254) 6 253 070  
Tel : (0235) 222 6889 Fax : (0-235) 383 7878

Số: 31/2017/BCTC-FAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 01 năm 2018 và được trình bày từ trang 06 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

#### Về các khoản phải thu, phải trả

- Cho đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng về việc xác nhận nợ thuộc các chỉ tiêu của Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2017 sau đây:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	44.825.308.961	(Thuyết minh số 5)
Phải trả ngắn hạn khác	6.024.450.728	(Thuyết minh số 18)

Do hạn chế bởi cách thức ghi chép, theo dõi, đối chiếu và kế toán của Công ty nên chúng tôi chưa thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, để xác nhận tính hiện hữu, tính đầy đủ và giá trị của khoản nợ đã nêu. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

### Về quỹ tiền lương

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và thuyết minh số 20 của Báo cáo tài chính. Vào ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa nhận được phê duyệt quỹ tiền lương cho viên chức quản lý và người lao động từ các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**

Hoàng Lam - Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0701-2018-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh  
Ngày 30 tháng 01 năm 2018

Đỗ Hoàng Chương - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2662-2018-099-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.876.442.504</b>	<b>44.965.497.399</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.594.691.461</b>	<b>13.756.065.710</b>
1 Tiền	111	4	9.594.691.461	13.756.065.710
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.789.646.507</b>	<b>29.672.231.345</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	44.876.875.961	26.662.124.948
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.276.000	1.290.010.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.904.494.546	1.720.096.397
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.477.385.488</b>	<b>1.482.245.802</b>
1 Hàng tồn kho	141	9	5.477.385.488	1.482.245.802
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.719.048</b>	<b>54.954.542</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	4.000.000	54.954.542
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	10.719.048	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.654.974.040</b>	<b>501.676.075</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.491.523.032</b>	<b>-</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.491.523.032	-
- Nguyên giá	222		7.916.840.721	3.973.473.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.425.317.689)	(3.973.473.538)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>163.451.008</b>	<b>163.451.008</b>
- Nguyên giá	231		269.308.200	269.308.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(105.857.192)	(105.857.192)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>338.225.067</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		-	338.225.067
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>65.531.416.544</b>	<b>45.467.173.474</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>59.233.249.438</b>	<b>40.088.857.395</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.906.862.823</b>	<b>39.764.478.244</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	19.380.727.119	7.916.248.960
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	5.836.215.923	29.700.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.391.744.563	1.619.955.581
4 Phải trả người lao động	314	16	9.901.029.849	6.037.004.220
5 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	22.604.138	35.640.748
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	18	9.746.550.728	19.919.408.335
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	596.040.000	-
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	3.418.796.769	1.697.523.305
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	6.613.153.734	2.508.997.095
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.326.386.615</b>	<b>324.379.151</b>
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.837.280.000	-
2 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	22	489.106.615	324.379.151
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.298.167.106</b>	<b>5.378.316.079</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>9.345.689.959</b>	<b>13.505.987.497</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.792.737.786	8.792.737.786
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.792.737.786	8.792.737.786
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		552.952.173	336.807.619
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	4.376.442.092
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421b		-	4.376.442.092
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>	<b>24</b>	<b>(3.047.522.853)</b>	<b>(8.127.671.418)</b>
1 Nguồn kinh phí	431		(3.210.973.861)	(8.291.122.426)
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		163.451.008	163.451.008
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>65.531.416.544</b>	<b>45.467.173.474</b>

*Nghe*

Huỳnh Thị Ngọc Bích  
Phụ trách kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2018



Lý Minh Sơn  
Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			_____	_____
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		117.685.540.680	88.372.925.231
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	25.1	<b>117.685.540.680</b>	<b>88.372.925.231</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	26	101.055.452.760	76.832.150.584
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.630.087.920</b>	<b>11.540.774.647</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	25.2	12.218.044	37.689.600
7 Chi phí tài chính	22		117.005.000	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		117.005.000	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.565.425.614	6.446.842.456
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.959.875.350</b>	<b>5.131.621.791</b>
11 Thu nhập khác	31		-	8.376.952
12 Chi phí khác	32	28	4.674.359	7.625.726
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(4.674.359)</b>	<b>751.226</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.955.200.991</b>	<b>5.132.373.017</b>
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	920.927.658	755.930.925
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.034.273.333</b>	<b>4.376.442.092</b>

*Ngọc Bích*

Huỳnh Thị Ngọc Bích  
Phụ trách kế toán



Lý Minh Sơn  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2018

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.955.200.991</b>	<b>5.132.373.017</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10	451.844.151	119.236.262
- Các khoản dự phòng	03		-	1.697.523.305
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25.2	(12.218.044)	(37.689.600)
- Chi phí lãi vay	06		117.005.000	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		174.927.464	367.886.812
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.686.759.562</b>	<b>7.279.329.796</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.128.134.210)	86.793.421.148
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.995.139.686)	(683.186.965)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.346.730.958	(80.454.819.775)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		389.179.609	(380.319.332)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(117.005.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(1.144.439.459)	(1.059.581.164)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.314.889.746	18.622.928.643
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.980.063.813)	(24.193.760.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.627.222.293)</b>	<b>5.924.011.451</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.979.690.000)	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.2	12.218.044	37.689.600
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.967.471.956)</b>	<b>37.689.600</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	19	2.979.690.000	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(546.370.000)	-
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.433.320.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4.161.374.249)</b>	<b>5.961.701.051</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>13.756.065.710</b>	<b>7.794.364.659</b>
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>9.594.691.461</b>	<b>13.756.065.710</b>

*Ngọc Bích*

Huỳnh Thị Ngọc Bích  
Phụ trách kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2018



*Lý Minh Sơn*  
Lý Minh Sơn  
Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301897104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 09 năm 2010, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ 1	Ngày 05 tháng 10 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ 2	Ngày 17 tháng 10 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ 3	Ngày 20 tháng 6 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ 4 (thay đổi phê duyệt tăng vốn)	Ngày 19 tháng 01 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ 5	Ngày 04 tháng 5 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ 6	Ngày 04 tháng 8 năm 2017

Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng; Chuẩn bị mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tạo huyện Bình Chánh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng, công cộng và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang, mai táng.
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Chi tiết: Quản lý khu di tích lịch sử.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý công viên - cây xanh.
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa hàng không).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ giữ xe
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Doanh nghiệp phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 110A5/4 Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 307 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 377 người)

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

### 3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

### 3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

### 3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 năm

### 3.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### 3.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

### 3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### 3.9. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.11. Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;



Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.806.890	2.440.184
Tiền gửi ngân hàng	9.581.884.571	13.753.625.526
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.594.691.461</b>	<b>13.756.065.710</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Bình Chánh	627.420.117	255.911.537
Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Bình Chánh	35.234.668.521	20.258.353.465
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Củ Chi	6.323.968.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.690.819.323	6.147.859.946
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>44.876.875.961</b>	<b>26.662.124.948</b>

(\*) Tại thời điểm lập báo cáo, khoản phải thu ngắn hạn khách hàng chưa đối chiếu xác nhận cuối năm là 44.825.308.961 VND.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng Thương mại Hưng Thịnh	-	13.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại - Xây dựng Công nghiệp Đức Long	-	1.277.010.000
Nguyễn Chí Liêm	8.276.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.276.000</b>	<b>1.290.010.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu người lao động;	246.731.037	96.881.538
Phải thu về cổ phần hóa;	482.950.909	79.200.000
Tạm ứng;	1.172.000.000	1.139.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	-	290.000.000
Các khoản khác	2.812.600	115.014.859
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.904.494.546</b>	<b>1.720.096.397</b>

**8. NỢ XẤU**

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu cho thuê nhà Sở hữu Nhà nước do các hộ dân không chịu ký hợp đồng	100.866.690	-	100.866.690	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.866.690</b>	<b>-</b>	<b>100.866.690</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản nợ quá hạn trên 3 năm, Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản nợ này.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.477.385.488	1.482.245.802
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.477.385.488</b>	<b>1.482.245.802</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	38.181.818	3.777.746.265	157.545.455	3.973.473.538
Mua trong năm	-	3.943.367.183	-	3.943.367.183
Số cuối năm	38.181.818	7.721.113.448	157.545.455	7.916.840.721
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	38.181.818	3.777.746.265	157.545.455	3.973.473.538
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	38.181.818	3.777.746.265	157.545.455	3.973.473.538
Khấu hao trong năm	-	451.844.151	-	451.844.151
Số cuối năm	38.181.818	4.229.590.416	157.545.455	4.425.317.689
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	3.491.523.032	-	3.491.523.032
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	-	3.491.523.032	-	3.491.523.032

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là Nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước.

Căn cứ theo văn bản số 6013/UBND-CNN của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 11 năm 2009, từ năm 2012 Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.000.000	54.954.542
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.000.000</b>	<b>54.954.542</b>

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ	-	3.545.455
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	334.679.612
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>338.225.067</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	645.178.000	879.747.000
Nguyễn Minh Nhật (Đội vận chuyển rác)	4.356.306.350	1.678.860.000
Phạm Văn Quyền (Đội xây dựng 5)	11.174.323.269	1.175.211.024
Nguyễn Hiệp Chủ	-	1.282.050.000
Các nhà cung cấp khác	3.204.919.500	2.900.380.936
	<b>19.380.727.119</b>	<b>7.916.248.960</b>

*Trong đó:*

Số nợ quá hạn chưa thanh toán (hoạt động dự án)	-	391.312.000
---	---	-------------

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà Đại Phúc	29.700.000	29.700.000
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Chánh	749.415.923	-
Công ty Cổ phần Vietstar	5.057.100.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.836.215.923</b>	<b>29.700.000</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	1.333.616.748	5.235.172.742	(5.246.344.209)	1.322.445.281
Thuế Giá trị gia tăng (hoạt động thu hộ)	2.999.601	69.351.853	(65.861.803)	6.489.651
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	222.380.318	941.610.658	(1.144.439.459)	19.551.517
Thuế Thu nhập cá nhân	44.429.553	358.353.977	(359.525.416)	43.258.114
Khoản phải nộp nhà sở hữu Nhà nước	16.529.361	78.794.826	(106.043.235)	(10.719.048)
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	2.829.225	(2.829.225)	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.619.955.581</u></b>	<b><u>6.686.113.281</u></b>	<b><u>(6.925.043.347)</u></b>	<b><u>1.381.025.515</u></b>
<b>Trong đó</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.619.955.581	-	-	1.391.744.563
Thuế nộp thừa		-	-	10.719.048

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Khoản mục này thể hiện quỹ lương tạm trích phải trả cho người lao động theo quy định của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước	22.604.138	35.640.748
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.604.138</u></b>	<b><u>35.640.748</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	96.901.060	-
Phải trả cho Ngân sách Nhà nước ("NSNN") do thu hộ	(*) 5.653.123.768	9.009.200.411
Các khoản phải trả đội thi công	3.622.100.000	10.016.053.024
Các khoản phải trả, phải nộp khác	374.425.900	894.154.900
<b>TỔNG CỘNG</b> (**)	<b><u>9.746.550.728</u></b>	<b><u>19.919.408.335</u></b>

(\*) Khoản thu chi hộ của hoạt động bán căn hộ chung cư, nền nhà tái định cư cho Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nền tái định cư	4.242.420.235	1.327.814.687
Khu 30ha Vĩnh Lộc B	1.396.758.345	7.681.385.724
Thiết bị lọc nước	13.945.188	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.653.123.768</b>	<b>9.009.200.411</b>

(\*\*) Tại ngày lập báo cáo này, khoản phải trả khác ngắn hạn chưa đối chiếu xác nhận cuối năm là 6.024.450.728 VND.

## 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay dài hạn đến hạn trả	596.040.000	-
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay đối tượng khác	1.837.280.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.433.320.000</b>	<b>-</b>

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuế tài chính trong năm như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	-	-	-
Tiền thu từ đi vay	-	2.979.690.000	2.979.690.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(546.370.000)	(546.370.000)
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	596.040.000	(596.040.000)	-
<b>Số cuối năm (*)</b>	<b>596.040.000</b>	<b>1.837.280.000</b>	<b>2.433.320.000</b>
Số có khả năng trả nợ	596.040.000	1.837.280.000	2.433.320.000

(\*) Vay Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 03/TB-QBVMТ ký ngày 14 tháng 02 năm 2017 để đầu tư mua sắm 03 xe ép rác với lãi suất 4,9%/năm, thời hạn vay 5 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng 03 xe ép rác hình thành từ vốn vay.

## 20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng tiền lương phải trả	3.418.796.769	1.697.523.305
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.418.796.769</b>	<b>1.697.523.305</b>

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.508.997.095	3.195.576.626
Trích lập trong năm	9.277.302.871	4.651.127.269
Sử dụng trong năm	(5.173.146.232)	(6.143.105.300)
Tăng khác	-	805.398.500
Số cuối năm	<u>6.613.153.734</u>	<u>2.508.997.095</u>

**22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	324.379.151	280.539.430
Trích quỹ trong năm	174.927.464	177.317.721
Chi trong năm	(10.200.000)	(133.478.000)
Số cuối năm	<u>489.106.615</u>	<u>324.379.151</u>

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	8.792.737.786	-	4.992.451.934	13.785.189.720
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.376.442.092	4.376.442.092
Trích quỹ	-	336.807.619	(4.987.934.888)	(4.651.127.269)
(Giảm) khác	-	-	(4.517.046)	(4.517.046)
Số cuối năm	<u>8.792.737.786</u>	<u>336.807.619</u>	<u>4.376.442.092</u>	<u>13.505.987.497</u>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	8.792.737.786	336.807.619	4.376.442.092	13.505.987.497
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	5.034.273.333	5.034.273.333
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	216.144.554	(9.493.447.425)	(9.277.302.871)
Tăng khác	-	-	82.732.000	82.732.000
Số cuối năm	<u>8.792.737.786</u>	<u>552.952.173</u>	<u>-</u>	<u>9.345.689.959</u>

**24. NGUỒN KINH PHÍ**

Thay đổi nguồn kinh phí được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(8.291.122.426)	(6.993.611.566)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	72.492.656.420	87.385.673.216
Chi sự nghiệp	<u>(67.412.507.855)</u>	<u>(88.683.184.076)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(3.210.973.861)</u></b>	<b><u>(8.291.122.426)</u></b>

**25. DOANH THU**

**25.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	71.203.882.762	62.601.878.199
Doanh thu xây dựng công trình công ích	<u>46.481.657.918</u>	<u>25.771.047.032</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>117.685.540.680</u></b>	<b><u>88.372.925.231</u></b>

**25.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>12.218.044</u>	<u>37.689.600</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.218.044</u></b>	<b><u>37.689.600</u></b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích	57.144.394.894	52.333.206.267
Giá vốn xây dựng công trình công ích	<u>43.911.057.866</u>	<u>24.498.944.317</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>101.055.452.760</u></b>	<b><u>76.832.150.584</u></b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.907.056.673	3.278.585.485
Chi phí dự phòng	3.058.273.464	1.697.523.305
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	<u>1.600.095.477</u>	<u>1.470.733.666</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.565.425.614</u></b>	<b><u>6.446.842.456</u></b>



**28. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	4.674.359	7.625.726
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.674.359</b>	<b>7.625.726</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.951.516.878	26.723.999.168
Chi phí nhân công	56.274.865.379	49.826.553.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 10)	451.844.151	119.236.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.008.187.636	2.282.913.619
Các chi phí bằng tiền	5.079.666.994	4.333.915.968
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.766.081.038</b>	<b>83.286.618.766</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.955.200.991	5.132.373.017
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.191.040.198	1.026.474.603
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	3.192.473	4.414.809
Chi phí có tính phúc lợi trong năm	(273.305.013)	(274.958.487)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>920.927.658</b>	<b>755.930.925</b>

**30.2. Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.620.530.275	2.613.596.803

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



\_\_\_\_\_  
Huỳnh Thị Ngọc Bích  
Phụ trách kế toán



\_\_\_\_\_  
Lý Minh Sơn  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2018